

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH
ĐẾN NĂM 2040

Quy mô diện tích: 31.373,39 ha (khoảng 313,7 km²)
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

NĂM 2021

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN DUYÊN HẢI,
TỈNH TRÀ VINH ĐẾN NĂM 2040

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Kèm theo quyết định số:.....ngày....tháng....năm 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH

Kèm theo báo cáo thẩm định số:.....ngày....tháng....năm 2021

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI

Kèm theo tờ trình số:.....ngày....tháng....năm 2021

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN DUYÊN HẢI,
TỈNH TRÀ VINH ĐẾN NĂM 2040
(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện

- Quy định này được áp dụng đối với huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 quy định về tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn, khu chức năng đặc thù và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong địa giới hành chính huyện Duyên Hải đã được phê duyệt tại Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan tới hoạt động xây dựng và quản lý hoạt động đầu tư xây dựng khu đô thị đều phải thực hiện theo đúng quy định này.

- Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải quản lý chung và là chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, chịu trách nhiệm tổ chức lập các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và các dự án trên cơ sở đồ án quy hoạch vùng huyện Duyên Hải được phê duyệt.

- Các cơ quan quản lý quy hoạch, xây dựng và chính quyền địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy định tại văn bản này.

- Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những quy định tại văn bản này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định này cho phép.

Điều 2: Phạm vi ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý:

1. Phạm vi ranh giới:

Khu vực lập quy hoạch xây dựng vùng gồm toàn bộ ranh giới huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, có diện tích khoảng 31.373,39ha (khoảng 313,7km²), có ranh giới được xác định như sau:

- + Phía Đông : giáp thị xã Duyên Hải;
- + Phía Tây : giáp huyện Trà Cú và tỉnh Sóc Trăng;
- + Phía Nam : giáp Biển Đông;
- + Phía Bắc : giáp huyện Cầu Ngang và huyện Trà Cú.

2. Quy mô dân số:

- Quy mô dân số hiện trạng khoảng 78.540 người.
- Đến năm 2030: Dân số toàn huyện 120.500 người, trong đó đô thị khoảng 55.500 người; nông thôn khoảng 65.000 người; đạt mật độ dân số khoảng 395 người/km².
- Đến năm 2040: dân số khoảng 153.000 người; trong đó dân số đô thị khoảng 83.000 người, nông thôn khoảng 70.000 người, đạt mật độ dân số khoảng 501 người/km²;

3. Phạm vi đất đai vùng quản lý:

Gồm toàn bộ ranh giới huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, có diện tích khoảng 31.373,39 ha (khoảng 313,7km²). Trong đó có thị trấn Ngũ Lạc, thị trấn Long Thành và 05 xã gồm: Đôn Xuân, Đôn Châu, Long Vĩnh, Long Khánh, Đông Hải.

Điều 3: Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế:

- **Mô hình phát triển xây dựng:** lấy thị trấn Ngũ Lạc và thị trấn Long Thành làm trung tâm phát triển chính, các khu vực dịch vụ thương mại làm động lực phát triển cho huyện. Tổ chức tuyến giao thông kết nối 2 đô thị (đô thị Đông Thành & đô thị Long Vĩnh).

- **Cực phát triển:** Vùng huyện Duyên Hải hình thành 2 cực phát triển chính gồm Thị trấn Ngũ Lạc là trung tâm toàn huyện và Thị trấn Long Thành là đô thị trung tâm phía Nam kênh đào Trà Vinh của huyện Duyên Hải và của Khu kinh tế Định An và kèm theo 02 khu đô thị hỗ trợ phát triển cho khu vực phía Nam kênh Đào (đô thị Long Vĩnh và đô thị Đông Thành).

- **Cấu trúc lưu thông chính:** Phía Bắc có đường Tỉnh 914 với chức năng là tuyến đường vành đai phía Bắc của khu kinh tế kết nối khu công nghiệp, dịch vụ công nghiệp với các huyện lân cận và Phía Nam Quốc lộ 53 là trục kinh tế - kỹ thuật - đô thị quan trọng chủ đạo và cũng là trục hành lang đô thị hoá đi qua kênh đào Trà Vinh còn kết nối với các đô thị khác trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Không gian vùng huyện Duyên Hải phát triển với 2 vùng của 2 bờ Bắc Nam kênh đào Trà Vinh.

- Khu vực phía Bắc kênh đào Trà Vinh:

Bao gồm thị trấn Ngũ Lạc, các xã Đôn Châu, Đôn Xuân. Đây là khu vực có phân định rõ 2 khu chức năng gồm khu sản xuất công nghiệp, khu trung tâm dịch vụ đô thị, khu dịch vụ du lịch hồ nước ngọt, khu trung tâm hành chính huyện và khu dân cư nông thôn qua đường tỉnh 914.

Vùng đô thị - công nghiệp trung tâm vùng huyện: với hạt nhân là trung tâm hành chính huyện và khu hỗn hợp gắn với thị trấn Ngũ Lạc và khu công nghiệp Định An, Đôn Châu, Ngũ Lạc và các khu dự trữ phát triển công nghiệp trên địa bàn xã Long Vĩnh, Long Khánh. Đồng thời gắn kết không gian với các khu dân cư nằm trên tuyến hành lang kinh tế đô thị huyện - đường tỉnh 914 và hành lang kinh tế đô thị vùng liên huyện – Đường huyện 25.

- Khu vực phía Nam kênh đào Trà Vinh:

Bao gồm các xã Long Vĩnh, Đông Hải, Long Khánh và thị trấn Long Thành. Gồm các cực phát triển là thị trấn Long Thành, khu đô thị Long Vĩnh, khu đô thị Đông Thành.

Các khu vực giáp kênh đào gồm một số khu chức năng chuyên dụng, các khu dự trữ phát triển công nghiệp lớn. Giữa các cực là vùng phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, bảo vệ môi trường, khu du lịch rừng sinh thái, khu nuôi trồng thủy sản và các điểm dân cư nông thôn, đồng thời là khu vực dự trữ phát triển công nghiệp lớn và các dịch vụ kèm theo.

Vùng đô thị - công nghiệp phía Nam kênh đào Trà Vinh: trung tâm là thị trấn Long Thành, gắn với các khu dự trữ phát triển công nghiệp trên địa bàn xã Long Vĩnh, Long Khánh, là đô thị trung tâm của tiểu vùng phía Nam của huyện. Gắn kết với thị trấn Long Thành là 2 khu đô thị Long Vĩnh – về phía Sông Hậu và Đông Thành – về phía Biển Đông, tạo thành vùng đô thị phía Nam của Huyện, nằm trên tuyến hành lang kinh tế - đô thị tỉnh – Quốc gia (kết nối huyện Duyên Hải với các đô thị tại các tỉnh thành trong hệ thống đô thị trên cả nước).

Điều 4: Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn:

Hệ thống đô thị và nông thôn của huyện Duyên Hải: Đến năm 2030 huyện phát triển hệ thống đô thị gồm 01 thị trấn và 03 đô thị (thị trấn Long Thành, Đô thị Ngũ Lạc, Khu đô thị Long Vĩnh, Khu đô thị Đông Thành) đáp ứng quy mô dân số 55.500 người và 06 xã nông thôn đáp ứng khoảng 65.000 người. Đến năm 2040 huyện phát triển hệ thống đô thị gồm 02 thị trấn và 02 đô thị (thị trấn Long Thành, thị trấn Ngũ Lạc, Khu đô thị Long Vĩnh, Khu đô thị Đông Thành) đáp ứng quy mô dân số 83.000 người và 05 xã nông thôn đáp ứng khoảng 70.000 người, như sau:

- Thị trấn Long Thành với bề dày lịch sử phát triển với quy mô hiện hữu 508,03ha. Đến năm 2030 đáp ứng khoảng 25.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 375ha. Đến năm 2040 đáp ứng cho khoảng 33.000 ha, diện tích đất xây dựng khoảng 710ha, đô thị Long Thành phát triển với quy mô đạt chuẩn thị trấn khoảng 1.500ha gồm thị trấn và một phần xã Long Khánh đây sẽ là khu vực đô thị hóa cao phát triển với tầm nhìn là thị trấn đạt chuẩn quốc gia, làm trung tâm động lực phát triển. Là trung tâm kinh tế, văn hóa lịch sử, giáo dục, y tế và du lịch dịch vụ cho khu vực phía Nam kênh đào Trà Vinh đảm bảo hệ thống hạ tầng phục vụ cho khoảng 33.000 người.

- Xã Ngũ Lạc quy mô 3.802,29ha (sáp nhập ấp Phước Hội thuộc xã Long Khánh vào xã Ngũ Lạc). Đến năm 2030 đáp ứng dân số khoảng 21.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 629,32ha, nâng cấp lên đô thị loại V. Đến năm

2040 đáp ứng cho khoảng 30.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 750ha sẽ phát triển thành thị trấn huyện lỵ của huyện Duyên Hải (bao gồm Khu dịch vụ công cộng và Khu đô thị thuộc Khu kinh tế Định An có quy mô khoảng 150ha đáp ứng cho dân số khoảng 10.000 người). Đây là trung tâm hành chính huyện đồng thời là cửa ngõ đón tiếp, kết nối huyện với các địa phương khác về kinh tế, thương mại - dịch vụ và công nghiệp.

- 02 Đô thị sẽ phát triển theo dạng Khu đô thị gồm Khu đô thị Long Vĩnh và Khu đô thị Đông Thành sẽ là 2 đô thị hỗ trợ cho khu Tây và Đông Nam của thị trấn Long Thành, làm động lực phát triển khu vực phát triển vùng xã đảo (Nam kênh đào Trà Vinh):

+ Khu đô thị Long Vĩnh thuộc xã Long Vĩnh có quy mô 1.109ha. Đến năm 2030 đáp ứng cho khoảng 5.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 140 ha. Đến năm 2040 đáp ứng cho khoảng 15.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 542ha với tính chất là khu đô thị chuyên ngành, dự trữ với tính chất là đô thị công nghiệp, thương mại và dịch vụ cùng với các dự án xây dựng khu công nghiệp tại phía Nam kênh đào Trà Vinh đồng thời gắn kết với cảng Định An.

+ Khu đô thị Đông Thành thuộc xã Đông Hải có quy mô 378ha. Đến năm 2030 đáp ứng cho khoảng 4.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 120ha. Đến năm 2040 đáp ứng cho khoảng 5.000, diện tích đất xây dựng khoảng 328ha, với tính chất là khu tái định cư đáp ứng nhu cầu ở cho khu vực phía Đông Nam huyện Duyên Hải.

- Xã Đôn Châu có diện tích tự nhiên khoảng 3.216,08ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 13.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 349,22ha. Dân số đến năm 2040 khoảng 15.500ha, diện tích đất xây dựng khoảng 425,62ha.

- Xã Đôn Xuân có diện tích tự nhiên khoảng 2.676,39ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 15.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 423,25ha. Dân số đến năm 2040 khoảng 17.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 499,75ha.

- Xã Long Vĩnh có diện tích tự nhiên khoảng 9.637,20ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 13.500 người, diện tích đất xây dựng nông thôn khoảng 428,44ha (dân số đô thị khoảng 5.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 140ha). Dân số đến năm 2040 khoảng 8.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 428,44ha, (dân số đô thị khoảng 15.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 542ha).

- Xã Long Khánh có diện tích tự nhiên khoảng 4.642,65 ha (sau khi sáp nhập ấp Phước Hội vào xã Ngũ Lạc). Dân số đến năm 2030 khoảng 9.000 người, diện tích đất xây dựng khoảng 607,35ha. Dân số đến năm 2040 khoảng 11.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 690,35ha.

- Xã Đông Hải có diện tích tự nhiên khoảng 6.890,75ha. Dân số đến năm 2030 khoảng 13.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 493,97ha, (dân số đô thị khoảng 4.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 120ha). Dân số đến năm 2040 khoảng 17.500 người, diện tích đất xây dựng khoảng 596,77ha, (dân số đô thị khoảng 5.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 328ha).

Bảng dự báo đất đai và dân số đến năm 2030

ST T	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Dân số dự báo (người)		Tổng Dân số	Đất xây dựng (ha)		Cộng	Ghi Chú
			Nông thôn	Đô thị		Nông thôn	Đô thị		
1	Thị trấn Long Thành	508,03		25.000	25.000		375,00	375,00	
2	Xã Ngũ Lạc	3.802,29		21.500	21.500		629,32	629,32	* Nâng cấp lên đô thị loại V giai đoạn (2026-2030)
3	Xã Đôn Châu	3.216,08	13.500		13.500	349,22		349,22	
4	Xã Đôn Xuân	2.676,39	15.500		15.500	423,35		423,35	
5	Xã Long Vĩnh (có KĐT Long Vĩnh)	9.637,20 (KĐT 1.109ha)	13.500	5.000	18.500	428,44	140,00	568,44	* Bao gồm Khu đô thị Long Vĩnh
6	Xã Long Khánh	4.642,65	9.000		9.000	607,35		607,35	
7	Xã Đông Hải (có KĐT Đông Thành)	6.890,75 (KĐT 378ha)	13.500	4.000	17.500	493,97	120,00	613,97	* Bao gồm Khu đô thị Đông Thành
Toàn huyện		31,373,39	65.000	55.500	120.500	2.302,33	1.264,32	3.566,65	

Ghi chú: chưa bao gồm diện tích đất xây dựng các khu chức năng (xem bảng thống kê các khu chức năng)

Bảng dự báo đất đai và dân số đến năm 2040

S T T	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Dân số dự báo (người)		Tổng Dân số	Đất xây dựng (ha)		Cộng	Ghi Chú
			Nông thôn	Đô thị		Nông thôn	Đô thị		
1	Thị trấn Long Thành	508,03		33.000	33.000		710,00	710,00	* Đô thị Long Thành phát triển với quy mô đạt chuẩn thị trấn khoảng 1.500ha gồm thị trấn và một phần xã Long Khánh.
2	Xã Ngũ Lạc	3.802,29		30.000	30.000		750,00	750,00	* Hình thành thị trấn Huyện lỵ.
3	Xã Đôn Châu	3.216,08	15.500		15.500	425,62		425,62	
4	Xã Đôn Xuân	2.676,39	17.500		17.500	499,75		499,75	
5	Xã Long Vĩnh (có KĐT Long Vĩnh)	9.637,20 (KĐT 1.109ha)	8.000	15.000	23.000	428,44	542,00	970,44	* Bao gồm Khu đô thị Long Vĩnh
6	Xã Long Khánh	4.642,65	11.500		11.500	690,35		690,35	* Diện tích đất xây dựng chưa bao gồm diện tích tính theo Thị trấn Long Thành
7	Xã Đông Hải (có KĐT Đông Thành)	6.890,75 (KĐT 378ha)	17.500	5.000	22.500	596,77	328,00	924,77	* Bao gồm Khu đô thị Đông Thành
Toàn huyện		31,373,39	70.000	83.000	153.000	2.640,93	2.330,00	4.970,93	

Ghi chú: chưa bao gồm diện tích đất xây dựng các khu chức năng (xem bảng thống kê các khu chức năng)

Bảng thống kê dân số, quy mô diện tích đất xây dựng hệ thống đô thị và nông thôn

STT	Đơn vị	Dân số		Đất Xây dựng	
		Quy hoạch		Quy hoạch	
		Năm 2030	Năm 2040	Năm 2030	Năm 2040
ĐÔ THỊ		55.500	83.000	1.264,32	2.330,00
1	Thị trấn Long Thành	25.000	33.000	375,00	710,00
2	Thị trấn Ngũ Lạc (gồm khu DVCC và KĐT KKT Định An)	21.500	30.000	629,32	750,00
3	Khu đô thị Long Vĩnh	5.000	15.000	140,00	542,00
4	Khu đô thị Đông Thành	4.000	5.000	120,00	328,00
XÃ-NÔNG THÔN		65.000	70.000	2.302,33	2.640,93
<i>Cụm phía Bắc kênh đào Trà Vinh</i>		<i>29.000</i>	<i>33.000</i>	<i>772,57</i>	<i>925,37</i>
1	Xã Đôn Châu	13.500	15.500	349,22	425,62
2	Xã Đôn Xuân	15.500	17.500	423,35	499,75
<i>Cụm phía Nam kênh đào Trà Vinh</i>		<i>36.000</i>	<i>37.000</i>	<i>1.529,76</i>	<i>1.715,56</i>
3	Xã Long Vĩnh	13.500	8.000	428,44	428,44
4	Xã Long Khánh	9.000	11.500	607,35	690,35
5	Xã Đông Hải	13.500	17.500	493,97	596,77
CỘNG		120.500	153.000	3.566,65	4.970,93

Bảng thống kê các khu chức năng

STT	KHU CHỨC NĂNG	Vị trí	Năm 2030	Năm 2040
			1.638,00	5.756,00
1	Khu công nghiệp Ngũ Lạc	Xã Ngũ Lạc	636,00	936,00
2	Khu công nghiệp Đôn Xuân - Đôn Châu	Xã Đôn Xuân-Đôn Châu	334,00	934,00
3	Khu công nghiệp Định An	Xã Đôn Xuân	291,00	591,00
4	Khu dự trữ phát triển CN Long Vĩnh	Xã Long Vĩnh	-	1.173,00
5	Khu dự trữ phát triển CN Long Khánh	Xã Long Khánh	-	993,00
6	Kho ngoại quan Logistic	Xã Đôn Châu	61,00	101,00
7	Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc	Xã Ngũ Lạc	155,00	305,00
8	Khu dịch vụ giải trí, hồ nước ngọt	Xã Đôn Châu - Ngũ Lạc	99,00	299,00
9	Khu dịch vụ giải trí sinh thái	Xã Đông Hải	62,00	424,00

Điều 5: Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng:

1. Các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng:

1.1. Hệ thống công trình hành chính:

- Các cơ quan hành chính của huyện và các xã, thị trấn tiếp tục duy trì hoạt động tại các khu vực hiện tại.

- Đầu tư xây dựng phát triển Khu trung tâm hành chính huyện tập trung quy mô 35,5ha nằm phía Bắc kênh đào thuộc khu dịch vụ công cộng và khu đô thị khu kinh tế Định An. Đây là khu hành chính tập trung cấp huyện (Hội trường, huyện Ủy, Trụ sở HĐND – UBND) và các công trình dịch vụ phát triển Ngũ Lạc trở thành thị trấn huyện lỵ đạt tiêu chí đô thị loại V giai đoạn 2021-2025, đạt tiêu chí loại IV sau năm 2030.

- Tiến hành xây dựng nâng cấp các trung tâm phía Bắc và Phía Nam kênh đào (trung tâm tiểu Vùng) theo kế hoạch được đề ra để làm động lực phát triển Vùng.

- Việc đầu tư xây dựng các công trình trụ sở cơ quan, khu trung tâm hành chính tập trung cần tuân thủ theo quy hoạch chung của từng khu vực cụ thể (*quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung các xã*).

1.2. Hệ thống công trình giáo dục:

- Các trường trung học phổ thông đảm bảo bán kính phục vụ được tính toán đảm bảo phục vụ cho quy mô dân số 20.000-30.000 người (2-3 đơn vị xã /thị trấn).

- Nâng cấp 02 trường THPT hiện hữu thuộc xã Đôn Châu và thị trấn Long Thành. Để đảm bảo nhu cầu cho tương lai 153 ngàn dân cần xây dựng thêm 04 trường với quy mô (1,5 - 2,0ha)/công trình. Theo đó định hướng hệ thống công trình giáo dục cấp huyện gồm có:

+ 01 trường THPT Ngũ Lạc 1 (thuộc xã Ngũ Lạc) phía Bắc tỉnh lộ 914

+ 01 trường THPT Long Vĩnh (thuộc khu đô thị Long Vĩnh, xã Long Vĩnh)

+ 01 trường THPT Đông Thành (thuộc khu đô thị Đông Thành, xã Đông Hải)

+ 01 trường THPT Ngũ Lạc 2 (thuộc xã Ngũ Lạc) phía Nam tỉnh lộ 914

- Bố trí 02 trường dạy nghề tại thị trấn Ngũ Lạc, thị trấn Long Thành với quy mô (1,5 - 2,0ha)/công trình đáp ứng nhu cầu đào tạo lực lượng lao động cho các khu sản xuất công nghiệp.

- Bố trí Khu trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học diện tích 156ha, tại Đô thị Long Thành (thị trấn và một phần xã Long Khánh).

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn về giáo dục quốc gia về phòng học, các phòng chức năng, công trình phụ trợ, đầu tư trang thiết bị phục vụ dạy và học.

1.3. Hệ thống công trình y tế:

- Công trình y tế phục vụ cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe, kiểm soát y tế xã hội của nhân dân: duy trì hoạt động hệ thống công trình trạm y tế hiện nay (mỗi xã, thị trấn có 01 trạm y tế) đảm bảo phục vụ quy mô toàn huyện.

- Tại thị trấn Long Thành, nâng cấp mở rộng trung tâm y tế hiện hữu quy mô 0,7ha (đạt chuẩn quốc gia về y tế) đáp ứng nhu cầu của 1 thị trấn. Xây dựng mới bệnh viện đa khoa với quy mô (1,5 - 2,5ha) là bệnh viện huyện đạt chuẩn hạng 3, trong tương lai bệnh viện này chỉ đáp ứng phục vụ cho thị trấn và các xã nằm phía Nam kênh đào Trà Vinh. Ngoài ra bố trí thêm 02 phòng khám đa khoa Khu đô thị Long Vĩnh, Khu đô thị Đông Thành với quy mô (1,0 – 2,0ha)/công trình.

- Tại xã Ngũ Lạc nâng cấp mở rộng trạm y tế thành Trung tâm Y tế quy mô 0,7ha (đạt chuẩn quốc gia về y tế) đáp ứng nhu cầu hiện tại của 1 xã đang đạt chuẩn xã nông thôn mới và tiến lên đạt chuẩn là đô thị loại IV có tính chất là thị trấn huyện lỵ.

- Theo đó, định hướng sẽ bố trí xây dựng mới bệnh viện đa khoa thuộc khu công cộng và dịch vụ đô thị (150ha) với quy mô khoảng (3,0 - 5,0ha), đáp ứng phục vụ cấp huyện cho toàn huyện Duyên Hải.

1.4. Hệ thống công trình hạ tầng văn hóa – thể dục thể thao cấp vùng:

- Trung tâm văn hóa cấp huyện tại khu công cộng và dịch vụ đô thị với quy mô (1,5 - 2,0ha), tuy nhiên cần bố trí trung tâm văn hóa cấp khu vực (0,8- 1,5ha/trung tâm) tại trung tâm các khu đô thị.

- Trung tâm thể dục thể thao - công viên cây xanh cấp huyện quy mô (8,0 – 10,0ha) tại thị trấn Ngũ Lạc (hình thành mới) đáp ứng cho nhu cầu toàn huyện trong tương lai, đồng thời củng cố hệ thống hạ tầng để Ngũ Lạc tiến tới là đô thị với quy mô đạt chuẩn loại IV và là thị trấn huyện lỵ.

- Trung tâm thể dục thể thao - công viên cây xanh cấp đô thị quy mô (4,0 – 5,0ha) tại thị trấn Long Thành phục vụ các xã và thị trấn phía Nam kênh đào Trà Vinh theo định hướng quy hoạch chung thị trấn và khoảng (1,5-2,5)ha tại trung tâm các khu đô thị (Long Vĩnh, Đông Thành).

- Hệ thống các trung tâm văn hóa xã có thể kết hợp xây dựng cùng với phòng truyền thống, thư viện hội trường để đảm bảo theo các quy định quy chuẩn hiện hành.

1.5. Hệ thống công trình thương mại dịch vụ - công nghiệp và sản xuất tiểu thủ công nghiệp:

- Duy trì hoạt động các chợ xã, thị trấn và có kế hoạch nâng cấp các chợ có quy mô nhỏ chưa đảm bảo theo quy định quy chuẩn hiện hành để phục vụ cho nhu cầu buôn bán thương nghiệp của nhân dân các xã trong tương lai.

Các khu công nghiệp và kho tàng được bố trí dọc 2 bên bờ kênh đào:

a. Khu vực Bắc kênh đào Trà Vinh:

Bố trí 3 khu công nghiệp kèm theo các khu dịch vụ, phụ trợ khác tại khu vực nằm giữa Đông và Tây Bắc, bao gồm:

- + Khu công nghiệp Định An: Diện tích 591ha, thuộc xã Đôn Xuân.
- + Khu công nghiệp Đôn Xuân - Đôn Châu: Diện tích 934ha, thuộc xã Đôn Xuân và xã Đôn Châu.
- + Khu công nghiệp Ngũ Lạc: Diện tích 936ha, thuộc xã Ngũ Lạc.
- + Khu dịch vụ công nghiệp: Diện tích 305ha, thuộc xã Ngũ Lạc, bố trí các loại dịch vụ và phụ trợ cho các khu công nghiệp như kho bãi, trưng bày sản phẩm v.v...
- + Khu kho ngoại quan (logistic): Diện tích 101ha, thuộc xã Đôn Châu, có chức năng bốc dỡ đóng gói, trung chuyển hàng hóa từ 2 cảng Long Toàn và Trà Cú cho các khu công nghiệp.

b. Khu vực Nam kênh đào Trà Vinh:

Bố trí đất dự trữ cho phát triển các khu công nghiệp tại cực giữa Đông và Tây Bắc, phục vụ sau năm 2030 như sau:

- + Khu dự trữ phát triển công nghiệp Long Vĩnh có quy mô 1.173 ha, thuộc xã Long Vĩnh và khu dự trữ phát triển công nghiệp Long Khánh có diện tích 993ha, thuộc xã Long Khánh.
- + Phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo, các công trình năng lượng điện gió quy mô 100ha thuộc xã Đông Hải khai thác hiệu quả lợi thế và tài nguyên của địa phương.

2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng:

2.1. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

- Chỉ giới đường đỏ: Theo hồ sơ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ của hầu hết các tuyến đường đều trùng với lộ giới quy hoạch .
- Chỉ giới xây dựng các tuyến đường trong các khu đô thị và thị trấn sẽ được quy định cụ thể trong các đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết, tuân theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD.

2.2. Tổ chức giao thông:

- Giao thông liên vùng: các tuyến Quốc Lộ, Đường tỉnh, Đường huyện phải có tính kết nối liên vùng, ít giao cắt, chủ yếu bám theo hoặc nối tiếp các trục đường hiện hữu.
- Giao thông đô thị: các trục chính đô thị có tính chất làm điểm nhấn đô thị, liên kết các phân khu chức năng. Việc lựa chọn vị trí xây dựng phải gắn kết với khu vực ưu tiên phát triển hoặc phát triển có tính động lực.
- Giao thông nông thôn: đảm bảo lộ giới và đặc tính kỹ thuật theo Tiêu chuẩn

2.3. Bền bãi:

- *Bền thủy nội địa:* Bố trí 03 bến tàu thủy tại các đầu mối giao thông thủy - bộ liên kết mạng lưới giao thông đường thủy và mạng lưới giao thông đường bộ. Nâng cấp các bến thủy cần phải tuân thủ nguyên tắc:

+ Mạng lưới bến đò phải đặt trong sự quản lý tập trung thống nhất, có kỷ cương và có hiệu lực.

+ Sắp xếp lại toàn bộ mạng lưới bến đò toàn huyện: Đánh giá lại toàn bộ CSHT, quy mô và năng lực hoạt động.

+ Lập chương trình cải tạo, nâng cấp CSHT bến đò trên những tiêu chí: An toàn kỹ thuật và mỹ quan đô thị các bến đò. Trang bị cứu hộ, cứu nạn trên sông, quy trình hoạt động an toàn và vệ sinh môi trường bến. Các bến đò hiện nay cần được sắp xếp theo nhóm - phân loại và xác định mức độ cải tạo và đầu tư.

- *Bến xe:* Xây dựng 03 bến xe hỗn hợp, có khu vực đậu xe khách đạt tiêu chuẩn tối thiểu loại IV theo QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách trong địa bàn huyện tại thị trấn Long Thành; thị trấn Ngũ Lạc; đô thị Long Vĩnh.

2.4. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- Chọn cao độ xây dựng theo định hướng tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An đến năm 2030, đồng thời đảm bảo thích nghi với biến đổi khí hậu.

- Cao độ nền xây dựng:

+ Đô thị Long Thành, Đô thị Long Vĩnh, Đô thị Đông Thành: Cao độ san nền là 2,2 m;

+ Thị trấn Ngũ lạc: Cao độ san nền là 2,3 m;

+ Các khu công nghiệp phía Bắc và phía Nam kênh Đào Trà Vinh: Cao độ san nền là 2,3 m;

+ Các khu dân cư tại xã Long Vĩnh, Long Khánh, Đông Hải có cao độ san lấp là 2,2 m; Các khu dân cư tại xã Đôn Châu, Đôn Xuân có cao độ san lấp là 2,3 m;

- Cần xây dựng và bảo vệ hệ thống đê kè, đối với những vùng xung yếu, cần có biện pháp xây kè, đắp đập, bảo vệ đê kè.

- Xây đập, ngăn dòng hoặc xây dựng những công trình hỗ trợ cho công tác điều tiết dòng chảy của sông, kênh để hạn chế những tác hại của dòng chảy.

- Thực hiện những biện pháp mang tính bền vững như trồng cây nước mặn tạo thành rừng và bảo vệ bờ sông rạch, các loại cây sống tốt và giữ đất tốt như: dừa

nước, xú, vẹt, cần, đước... những loại cây đó vừa bảo vệ bờ sông, vừa tạo môi trường sống cho rất nhiều sinh vật sống dựa vào nó, mang lại nguồn lợi to lớn cho người dân.

2.5. Công trình xử lý nước cấp:

- Đánh giá chất lượng nguồn nước thô trước khi đưa vào xử lý.
- Các quy định về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: thực hiện theo quy định tại điều 5, điều 6, Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/09/2016 của bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.
- Thiết kế cấp nước phải bảo đảm tiêu chuẩn về cung cấp nước và phải cung cấp nước sạch đã qua xử lý.

2.6. Công trình xử lý nước thải:

- **Khu vực đô thị:** Sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa. Nước thải được thu gom theo các tuyến cống chính dẫn về trạm xử lý nước thải. Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 14: 2008/BTNMT và xả ra sông gần nhất.

- **Nước thải công nghiệp:** Sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa. Nước thải được dẫn về trạm xử lý, mỗi khu công nghiệp đều xây dựng trạm xử lý riêng. Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 40: 2011/BTNMT.

- **Khu vực nông thôn:** Sử dụng hệ thống thoát nước chung cho tất cả các trung tâm xã và điểm dân cư. Xây dựng các tuyến cống thoát nước trên các trục đường chính dẫn nước ra kênh rạch gần nhất. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến cống chung.

- Đầu tư các dự án thoát nước tại các đô thị, xây dựng trạm xử lý nước thải hợp vệ sinh... đảm bảo nhu cầu thoát nước cũng như bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh.

- Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường là cơ sở để thúc đẩy phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn huyện Duyên Hải.

- Thùng thu rác trên các tuyến phố phải được bố trí hợp lý, đồng bộ, đảm bảo mỹ quan, có kích thước, kiểu dáng thích hợp, sử dụng thuận tiện và dễ nhận biết.

- Bể tự hoại: Xây dựng đúng quy cách: chứa, lắng, lọc... và phải đủ dung tích để xử lý chất thải cho từng hộ gia đình, phải có chất thông thấm đảm bảo không để chất ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với trạm xử lý nước thải: phải có dải cách ly an toàn và thường xuyên

quan trắc chất lượng môi trường nước và không khí.

- Nghiêm cấm các hành vi đầu nối vào hệ thống cấp thoát nước mà không có sự cho phép của các cơ quan chức năng.

- Nghiêm cấm mọi trường hợp cho nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp xuống hệ thống kênh rạch, nếu phát hiện sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

2.7. Trạm biến áp:

- Hiện tại, huyện Duyên Hải cấp nguồn từ trạm biến áp 110/22kV Duyên Trà, được nhận nguồn từ TBA 110/22kV Trà Vinh 2 qua đường dây 110kV Trà Vinh 2- Cầu Ngang-Duyên Trà và đường dây 110kV Cầu Kè-Trà Cú-Duyên Trà, lâu dài được bổ sung từ TBA 110/22kV Dân Thành.

- Xây dựng mới TBA 220/110kV Duyên Hải (giai đoạn đầu lắp 1x125MVA, đến 2035 nâng cấp lên 2x250MVA) theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035-Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV được ban hành theo quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/05/2016 của Bộ Công Thương).

- Xây dựng mới TBA 110/22kV 2x63MVA Khu công nghiệp 1, khu công nghiệp 2. Đến năm 2035, xây dựng mới TBA 110/22kV 2x40MVA Long Vĩnh, 2x63MVA Định An; nâng công suất trạm biến áp 110/22kV Duyên Trà lên 2x63MVA, TBA 110/22kV Dân Thành lên (40+63)MVA.

2.8. Lưới điện:

- Lưới 220kV: Xây dựng mới đường dây truyền tải 220kV đầu nối vào tuyến cao thế từ trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải cấp nguồn cho TBA 220/110kV Duyên Hải.

- Lưới 110kV: Trong khu quy hoạch có tuyến phân phối 110kV hiện hữu (Trà Vinh - Duyên Hải) cấp nguồn cho trạm biến áp 110/22kV Duyên Trà.

+ Xây dựng mới các tuyến phân phối 110kV từ TBA 220/110kV Duyên Hải cấp nguồn cho các trạm biến áp 110/22kV xây dựng mới.

+ Các tuyến trục trung thế được thiết kế theo tiêu chí N-1 để đảm bảo độ tin cậy cấp điện.

+ Ngầm hóa các khu vực trọng điểm trên địa bàn huyện: phát triển cáp ngầm trong các khu đô thị mới nhằm đảm bảo mỹ quan. Từng bước ngầm hóa hệ thống đường dây nối 22kV hiện có tại các tuyến đường quan trọng.

Điều 6: Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường:

1. Giao thông:

- Đối với đường ngoài đô thị: đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo

quy định của Luật giao thông đường bộ; nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/09/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 11/2010/NĐ-CP và thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/09/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của nghị định 11/2010/NĐ-CP.

- Hệ thống giao thông nông thôn: phải được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình đầu tư xây dựng theo QCVN 14:2009/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch nông thôn, các chương trình, đề án xây dựng nông thôn mới.

- Không được xây dựng trên đất hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Hệ thống điện:

❖ Trạm biến áp 110kV:

- Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất (đáy cọc của móng cọc) của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn 3m.

- Nhà và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện; đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và ĐDK; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

- Đối với các trạm có điện áp 22kV không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện 2m. Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài tường hoặc hàng rào; Khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng là 2m.

❖ Đường dây cao thế 110kV, trung thế 22kV:

- Đối với đường dây 110kV xây dựng mới, Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không đối với điện áp 110 kV là 4,0m ngoài cùng về mỗi phía (căn cứ nghị định số 14/2014/NĐ-CP, ngày 26/02/2014 của Chính phủ).

- Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp.

- Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh:

Điện áp	22kV		110kV
	Dây bọc	Dây trần	
Khoảng cách (m)	1,0	2,0	4,0

- Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột (đáy cọc của móng cọc) đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng:

Điện áp	22kV	110kV
Khoảng cách (m)	2,0	3,0

- Khoảng cách nhỏ nhất từ dây dẫn đến cây:

Mô tả chi tiết khoảng cách	Điện áp (kV)	Loại dây dẫn	Khoảng cách nhỏ nhất (m)
Đối với ĐDK có điện áp đến 35kV trong thành phố, thị xã thị trấn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại	22	Dây bọc	0,7
		Dây trần	1,5
Đối với ĐDK có điện áp từ 110kV trong thành phố, thị xã thị trấn thì không được để cây cao hơn dây dẫn thấp nhất trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn và được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép. Khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn khi dây ở trạng thái võng cực đại	110	Dây trần	2,0
Khoảng cách an toàn từ dây dẫn ở trạng thái võng cực đại đến phần bất kỳ của các cây ngoài thành phố, thị xã, thị trấn;	22	Dây bọc	0,7
		Dây trần	2
Đối với ĐDK vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, vườn trồng cây thì khoảng cách theo phương thẳng đứng từ dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại đến cây khi đạt tới chiều cao lớn nhất	110	Dây trần	3

- Khoảng cách an toàn nhỏ nhất của các phương tiện hoạt động trong hành lang an toàn

Điện áp	22kV	110kV
Khoảng cách (m)	4,0	6,0

- Khoảng cách hành lang an toàn của đường cáp ngầm trong đất hoặc trong nước

Loại cáp điện	Đặt trong đất		Đặt trong nước	
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại
Khoảng cách nằm ngang (m)	1,0	1,5	20,0	100,0
Độ sâu (m)	1,5			

❖ Đường dây hạ thế, đường dây chiếu sáng, đường dây thông tin liên lạc: khoảng cách giữa các cột điện trung bình từ 40 - 50 m, khoảng cách từ chân cột đến công trình xây dựng khác là 5m, khoảng cách từ đường dây đến tường nhà của hộ dân là 5m.

❖ Bố trí các đường dây đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm phải cách chỉ giới đường đỏ 0,5m và khoảng cách các công trình ngầm phải tuân theo QCXDVN 01: 2008/BXD.

3. Cấp thoát nước:

- Trạm/nhà máy xử lý nước thải phải có thiết bị thu gom và khử mùi hoặc phải có các giải pháp ngăn ngừa mùi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh, tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT.

- Trạm trung chuyển chất thải rắn phải đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ; thu gom và xử lý nước thải; khử mùi.

- Xây dựng các công trình nghĩa trang phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu. Công trình nghĩa trang phải đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo quy định tại QCVN 10:2014/BXD. Khoảng cách an toàn về môi trường phải tuân thủ quy định tại QCVN 01:2008/BXD.

4. Đường dây đường ống:

- Bố trí các đường ống cống ngầm phải đảm bảo chiều sâu và có khoảng cách theo chiều ngang không ảnh hưởng lẫn nhau và an toàn trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm và các công trình trên mặt đất có liên quan;

- Việc đấu nối các đường ống cống ngầm với nhau và các công trình ngầm khác phải đảm bảo thuận tiện, an toàn và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật;

- Khoảng cách giữa các đường ống cấp nước có đường kính lớn hơn 300mm và với cáp thông tin không được nhỏ hơn 1m;

- Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đối với công trình ngầm cần thực hiện phù hợp với QCVN, TCXD và các quy định hiện hành khác có liên quan, cụ thể: phạm vi bảo vệ hành lang an toàn $\geq 20m$ từ mép công trình để đảm bảo không ảnh hưởng đến kết cấu trạm xử lý nước thải.

5. Về môi trường:

- Cần đảm bảo các tiêu chí và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

- Cần có các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đến dân cư, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn.

- Chủ đầu tư dựa vào quy hoạch tổng thể mặt bằng để xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải cục bộ, hệ thống thu gom nước thải, nước mưa phù hợp để tiếp nhận các nguồn thải.

- Thành phần nước thải sau khi xử lý được không chế tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 40: 2011/BTNMT - Cột B. Hệ thống không chế tự động để kiểm tra lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm sẽ được lắp đặt. Phương pháp này cho phép quản lý nồng độ đầu ra của các chất ô nhiễm từ hệ thống xử lý nước thải của khu quy hoạch.

- Cơ quan chức năng cùng các ban ngành liên quan tham gia thẩm định thiết

kế cơ sở của đơn vị thiết kế để giám sát các hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn theo yêu cầu chung bảo vệ môi trường khu vực.

- Cơ quan quản lý môi trường Nhà nước sẽ thẩm định những hoạt động có liên quan tới môi trường của chủ đầu tư như hệ thống hạ tầng phục vụ, hệ thống thông thoáng và các hệ thống xử lý môi trường, phòng chống sự cố.

- Chủ đầu tư phối hợp cùng với các cơ quan chức năng xây dựng phương án phòng chống sự cố cháy nổ, dịch bệnh.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị sản xuất, hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường và hệ thống ngăn ngừa sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Cần có chính sách khuyến khích người dân xây dựng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Trên những tuyến phố chính cần đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng, khoảng cách tối đa giữa 2 nhà vệ sinh công cộng là 1,5 km, góp phần bảo vệ mỹ quan đường phố tránh tình trạng xả thải ra tự nhiên theo thói quen vô ý thức của người dân.

- Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát chất thải từ hoạt động công nghiệp, thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 7: Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng:

- Phát triển các khu du lịch văn hóa kết hợp với tôn giáo, tín ngưỡng.

- Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên dọc sông Hậu, sông La Bang, sông Bến Giá và các kênh rạch như kênh đào Trà Vinh, kênh 3/2, ... trong khu vực.

- Bảo tồn các khu di tích – văn hóa: chùa Pro Khup (Trà Khúp), Thum (lớn), Rum Đua, Bào Môn và Tà Lon.

- Các quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của các khu di tích theo Luật di sản văn hóa số 28/2010/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/09/2012 của Chính phủ về quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Lập quy hoạch, cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích. Cắm mốc giới di

tích phải đảm bảo nguyên tắc phân định rõ ranh giới các khu vực bảo vệ di tích với khu vực bên ngoài theo biên bản và bản đồ khoanh vùng bảo vệ trong hồ sơ xếp hạng di tích.

- Cột mốc, hàng rào bảo vệ di tích phải được làm bằng chất liệu bền vững và đặt ở vị trí dễ nhận biết, quan sát. Hình dáng, màu sắc, kích thước cột phải phù hợp với môi trường, cảnh quan di tích và không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích.

- Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm, hủy hoại đối với các công trình kiến trúc, điêu khắc của di tích.

- Đất đai của di tích phải được quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm, lấn chiếm, mua bán, chuyển nhượng, hủy hoại đất đai thuộc di tích đã được khoanh vùng xếp hạng.

- Tổ chức, cá nhân sở hữu di tích hoặc được giao quyền quản lý, sử dụng di tích có trách nhiệm quản lý đất đai thuộc di tích. Trong trường hợp phát hiện đất đai thuộc di tích bị xâm phạm, lấn chiếm, mua bán, hủy hoại phải áp dụng ngay các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phòng văn hóa và thông tin huyện. Khi nhận được thông báo, các cơ quan phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để có các biện pháp kịp thời ngăn chặn, bảo vệ các di tích và báo cáo với cơ quan chuyên môn cấp trên trực tiếp để phối hợp xử lý, giải quyết.

- Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan quản lý tốt việc sử dụng đất đai có di tích trên địa bàn quản lý, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng đất đai có di tích theo các quy định của pháp luật.

Điều 8: Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng:

- Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng vùng Huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp Huyện có trách nhiệm xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn, báo cáo bằng văn bản với ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh để xem xét, quyết định việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch vùng Huyện. Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có trách nhiệm quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do huyện quản lý.

- Tại các khu vực có dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đơn vị được phép đầu tư xây dựng dự án chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Tỉnh về quản lý không gian, kiến trúc trong phạm vi dự án bảo đảm đúng quy hoạch được phê duyệt đến khi bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý.

- Sở xây dựng có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh quản lý không gian,

kiến trúc, cảnh quan các đô thị và một số khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan đặc biệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở khoa học và Công nghệ ... triển khai công tác đo đạc, lấy mẫu, thí nghiệm phân tích, xử lý thông tin, lưu trữ số liệu, lập báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và hàng năm lên các cơ quan thẩm quyền để đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn nước, nhất là trường hợp xảy ra các sự cố về nguồn nước.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng Huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Huyện quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong khu vực do mình quản lý.

- Các cán bộ chuyên trách xây dựng các xã, thị trấn có trách nhiệm giúp chính quyền xã, thị trấn quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị, cảnh quan các khu dân cư nông thôn trong khu vực xã, thị trấn quản lý.

Điều 9: Phân công trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở xây dựng và Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải căn cứ vào quy hoạch vùng được phê duyệt, tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và quy hoạch chi tiết một số khu vực đặc biệt.

- Ủy ban nhân dân huyện tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đối với các khu vực đô thị theo các định hướng quy hoạch vùng.

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn và quy hoạch trung tâm xã.

Điều 10: Các quy định khác theo chức năng đặc thù của vùng:

Vùng huyện Duyên Hải thuộc khu vực trung tâm của tỉnh Trà Vinh. Theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh, phát triển đô thị Ngũ Lạc trở thành đô thị loại IV và thành lập đô thị Long Thành đạt quy mô đô thị loại V. Trong quá trình thực hiện các công tác lập quy hoạch và đầu tư xây dựng phát triển đô thị Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính... có trách nhiệm phối hợp thực hiện, hỗ trợ địa phương hoàn thành các công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh chương trình phát triển đô thị ...theo quy định.

Điều 11: Quy định công bố thông tin:

- Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm công bố thông tin và nội dung đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân được biết.

- Ủy ban nhân dân Huyện phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ hàng năm cập nhật tình hình các dự án trọng điểm triển khai vào nội dung đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải;

- Các cơ quan có liên quan lưu trữ hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải để phục vụ công tác quản lý và cung cấp thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm số hóa hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải thành bản đồ hệ thống thông tin địa lý (GIS) để phục vụ công tác quản lý đất đai, xây dựng và công tác công bố, cung cấp thông tin.

Điều 12: Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành:

- Các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải có trách nhiệm kiểm tra các hoạt động xây dựng trên địa bàn do huyện quản lý vào báo cáo kịp thời với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh các hành vi liên quan đến hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm nêu trong phạm vi thẩm quyền của mình, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh đối với các trường hợp ngoài thẩm quyền để Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định.

- Thanh tra xây dựng có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn vùng huyện Duyên Hải và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân Huyện, Sở Xây dựng tình hình các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân Tỉnh trong các trường hợp ngoài thẩm quyền để Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định.

- Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp với các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân huyện phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**